

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2022/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

- Mã chứng khoán: VNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:
- E-mail:

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2022 của kiểm toán (theo file đính kèm)

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/8/2022 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**PHAN THỊ HỒNG VÂN**

**CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
DU LỊCH  
THÀNH  
THÀNH  
CÔNG**

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG  
DN: C=VN, L=TPHCM,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH THÀNH THÀNH  
CÔNG,  
OID.0.9.2342.19200300.1  
00.1.1=MST:3500753423,  
E=INFO@VINAGOLF.VN  
Reason: I am the author  
of this document  
Location: your signing  
location here  
Date: 2022.08.26 21:28:  
10+07'00"  
Foxit Reader Version:  
10.1.0

## **Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 64

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ; đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Đình Việt.

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Chủ tịch	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Ông Đặng Đình Việt được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định số 02B/2022/QĐ-CTHQQT ngày 6 tháng 2 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đặng Đình Việt  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 11950306/E-22989048/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 64, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Văn Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>980.905.879.848</b>	<b>594.685.410.439</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>139.663.922.456</b>	<b>15.194.244.590</b>
111	1. Tiền		26.763.922.456	15.194.244.590
112	2. Các khoản tương đương tiền		112.900.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>272.000</b>	<b>272.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		272.000	272.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>824.245.362.023</b>	<b>564.094.864.659</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	152.973.165.858	58.392.421.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	294.701.039.286	183.784.366.822
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	86.620.000.000	64.870.374.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	297.660.887.829	264.758.815.313
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 9	(7.731.196.025)	(7.731.196.025)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		21.465.075	20.082.708
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>8.206.967.550</b>	<b>6.784.147.053</b>
141	1. Hàng tồn kho		8.206.967.550	6.784.147.053
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.789.355.819</b>	<b>8.611.882.137</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.756.730.375	1.709.711.059
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	5.934.164.290	6.752.112.290
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	98.461.154	150.058.788



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.831.664.196.805</b>	<b>1.690.943.120.640</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>59.442.860.893</b>	<b>46.818.931.864</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	54.213.500.000	41.619.600.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	5.229.360.893	5.199.331.864
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>898.105.816.777</b>	<b>917.324.927.214</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	692.583.826.921	708.704.475.199
222	Nguyên giá		1.137.808.885.547	1.141.943.156.126
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(445.225.058.626)	(433.238.680.927)
224	2. Tài sản thuê tài chính	13	3.671.250.020	3.916.000.016
225	Nguyên giá		4.895.000.000	4.895.000.000
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.223.749.980)	(978.999.984)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	201.850.739.836	204.704.451.999
228	Nguyên giá		237.156.396.799	236.966.396.799
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.305.656.963)	(32.261.944.800)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>16</b>	<b>444.541.757.360</b>	<b>290.721.548.882</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		444.541.757.360	290.721.548.882
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>17</b>	<b>391.084.910.001</b>	<b>391.384.367.426</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	230.036.786.928	258.290.705.574
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	169.756.137.702	133.093.661.852
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	(8.708.014.629)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>38.488.851.774</b>	<b>44.693.345.254</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	24.384.289.666	30.016.086.018
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	2.372.322.215	1.968.979.432
269	3. Lợi thế thương mại	18	11.732.239.893	12.708.279.804
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.812.570.076.653</b>	<b>2.285.628.531.079</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.698.000.884.039</b>	<b>1.173.279.426.159</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>615.826.135.519</b>	<b>573.317.466.324</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	95.272.642.724	33.925.849.305
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	41.815.658.583	23.309.692.007
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	16.060.873.269	26.040.155.802
314	4. Phải trả người lao động		2.279.718.730	63.592.118
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	32.156.707.033	20.691.021.736
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		151.445.456	294.222.056
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	76.259.623.218	33.824.705.553
320	8. Vay ngắn hạn	24	351.173.015.700	433.821.031.159
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		656.450.806	1.347.196.588
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.082.174.748.520</b>	<b>599.961.959.835</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	20	-	12.373.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.363.652.583	1.363.652.583
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	3.677.300.000	2.779.200.000
338	4. Vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn	24	1.047.819.113.235	553.958.839.830
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	29.314.682.702	29.487.267.422
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.114.569.192.614</b>	<b>1.112.349.104.920</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.114.569.192.614</b>	<b>1.112.349.104.920</b>
411	1. Vốn cổ phần	25.1	972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	106.459.866.414	106.459.866.414
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	25.1	18.567.770.000	18.567.770.000
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	35.279.476	(33.948.238)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	6.749.515.451	6.749.515.451
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	25.1	1.367.003.263	1.367.003.263
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	5.841.745.453	4.712.651.421
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		4.712.651.421	2.807.090.284
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.129.094.032	1.905.561.137
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25.5	2.781.932.557	1.760.166.809
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.812.570.076.853</b>	<b>2.285.628.531.079</b>

Nguyễn Thị Hồng Liên  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG

Đặng Đình Việt  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	248.156.481.714	131.649.288.526
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(168.939.652.883)	(129.486.289.353)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.216.828.831	2.162.999.173
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	54.782.744.003	89.563.712.070
22	5. Chi phí tài chính	28	(71.744.323.331)	(37.041.680.708)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(55.579.904.336)	(31.144.014.969)
24	6. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	17.1	2.033.038.894	(2.139.352.122)
25	7. Chi phí bán hàng	29	(13.953.548.597)	(8.971.763.569)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(42.385.792.030)	(38.939.564.949)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.948.947.770	4.634.349.895
31	10. Thu nhập khác	30	245.355.777	426.018.273
32	11. Chi phí khác	30	(2.472.464.670)	(1.188.095.608)
40	12. Lỗ khác	30	(2.227.108.893)	(762.077.335)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.721.838.877	3.872.272.560
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(4.146.906.400)	(3.303.181.556)
52	15. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.3	575.927.503	(157.729.165)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.150.859.980	411.361.839
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.129.094.032	476.999.580
62	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.021.765.948	(65.637.741)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.4	12	5
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.4	12	5



Nguyễn Thị Hồng Liên  
Người lập



Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Đặng Đình Việt  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>5.721.838.877</b>	<b>3.872.272.560</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 18	21.080.663.260	23.105.971.207
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		8.708.014.629	(249.073.878)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(58.531.222.767)	(87.435.620.119)
06	Chi phí lãi vay	28	55.579.904.336	31.144.014.969
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>32.559.198.335</b>	<b>(29.562.435.261)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(112.857.486.123)	(243.425.276.758)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.422.820.497)	1.070.249.191
11	Tăng các khoản phải trả		163.719.513.008	28.078.485.362
12	Giảm chi phí trả trước		4.584.777.036	8.450.601.342
14	Tiền lãi vay đã trả		(66.877.328.878)	(30.100.592.265)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.204.903.911)	(3.977.665.403)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>18.500.948.970</b>	<b>(269.466.633.792)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(251.099.573.585)	(11.582.900.386)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		6.033.547.216	209.249.642
23	Tiền chi cho vay		(35.200.000.000)	(74.813.226.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		856.474.000	107.276.452.000
25	Thanh toán các khoản đầu tư vào đơn vị khác		(35.456.180.850)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	117.485.589.439
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.622.204.169	4.678.522.076
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(305.243.529.050)</b>	<b>143.253.686.771</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	24	1.027.286.502.630	344.134.360.764
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(616.074.244.684)	(308.155.823.361)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(362.500)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		-	(676.537.150)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>411.212.257.946</b>	<b>35.301.637.753</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>124.469.677.866</b>	<b>(90.911.309.268)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>15.194.244.590</b>	<b>105.143.522.099</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>139.663.922.456</b>	<b>14.232.212.831</b>



Nguyễn Thị Hồng Liên  
Người lập



Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Đặng Đình Việt  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNDKKD”) số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 947 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 671).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 10 công ty con và 6 công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	100,00	100,00
3	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ giải trí và lưu trú	100,00	100,00
4	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Đang hoạt động	Thương mại, dịch vụ	100,00	100,00
5	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	94,96	94,96
6	Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	91,41	91,41
7	Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	100,00	100,00
8	Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	100,00	100,00
9	Công ty TNHH TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
10	Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Đang hoạt động	Tư vấn pháp lý	100,00	100,00
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	49,00	49,00
2	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	20,75	20,75
3	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	20,06	20,06
4	Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Đang hoạt động	Bất động sản	32,14	32,14
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	44,43	44,43
6	Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	42,17	42,17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	12 - 39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 25 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
-------------------	------------

Nhà cửa và vật kiến trúc

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định; và
- ▶ Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ-công ty con (ngoại trừ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung) được phân bổ vào chi phí trong thời gian 10 năm.
- ▶ Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 trong thời hạn 33 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác*

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. GIAO DỊCH CHUYÊN NHƯỢNG TRONG KỲ

*Chuyển nhượng vốn góp trong Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình")*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 21,21% quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Thanh Bình cho các nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 4/2022/HDCNCP-TTPBTH ngày 30 tháng 6 năm 2022 với tổng giá trị là 73.500.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 44.356.337.460 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Nhóm Công ty hiện còn nắm 1,17% quyền sở hữu trong Thanh Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	617.338.283	924.492.974
Tiền gửi ngân hàng	25.999.089.645	14.228.812.466
Tiền đang chuyển	147.494.528	40.939.150
Các khoản tương đương tiền	112.900.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>139.663.922.456</b>	<b>15.194.244.590</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	149.669.389.678	56.098.542.920
Bà Tạ Thị Phương Trang	73.500.000.000	-
Bà Phạm Trần Hạnh Phương	50.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	-	38.150.000.000
Khác	25.769.389.678	17.948.542.920
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	3.303.776.180	2.293.878.921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>152.973.165.858</b>	<b>58.392.421.841</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.838.171.007)	(3.838.171.007)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>149.134.994.851</b>	<b>54.554.250.834</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vào ngày 1 tháng 1	3.838.171.007	346.452.905
Giảm do thanh lý công ty con	-	(50.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6	3.838.171.007	296.452.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	255.628.078.523	154.928.803.869
<i>Công ty Cổ phần và Kết cấu Thép Đại Tín</i>	149.581.972.109	57.542.075.340
<i>Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Cung</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng</i>		
<i>Toàn Thịnh Phát</i>	10.211.011.043	10.211.011.043
<i>Khác</i>	35.835.095.371	27.175.717.486
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	39.072.960.763	28.855.562.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>294.701.039.286</b>	<b>183.784.366.822</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.294.234.960)	(1.294.234.960)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>293.406.804.326</b>	<b>182.490.131.862</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>86.620.000.000</b>	<b>64.870.374.000</b>
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	70.120.000.000	48.370.000.000
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	16.500.374.000
<b>Dài hạn</b>	<b>54.213.500.000</b>	<b>41.619.600.000</b>
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	51.900.000.000	38.450.000.000
Bà Lovia Huang	2.313.500.000	3.169.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>140.833.500.000</b>	<b>106.489.974.000</b>

**8.1 Các khoản cho vay ngắn hạn**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Du lịch Đông Thuận	37.820.000.000	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 2 năm 2023	10,8
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	24.700.000.000	Ngày 5 tháng 1 năm 2023	10,0
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2023 đến ngày 8 tháng 5 năm 2023	10,6
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	6.700.000.000	Ngày 12 tháng 8 năm 2022	10,8
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	900.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10,0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.620.000.000</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

**8.2 Các khoản cho vay dài hạn**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp dài hạn được trình bày như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	42.000.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2025	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	9.900.000.000	Ngày 11 tháng 1 năm 2025	12,2
Bà Lovia Huang	2.313.500.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	1,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.213.500.000</u></b>		

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>297.660.887.829</b>	<b>264.758.815.313</b>
Ký quỹ	192.280.725.000	184.351.725.000
Tạm ứng cho nhân viên	43.905.768.791	57.004.623.432
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	29.389.471.390	13.776.161.141
Lãi tiền gửi, tiền cho vay phải thu	3.761.460.832	2.957.592.196
Khác	28.323.461.816	6.668.713.544
<b>Dài hạn</b>	<b>5.229.360.893</b>	<b>5.199.331.864</b>
Ký quỹ	5.229.360.893	5.199.331.864
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>302.890.248.722</b>	<b>269.958.147.177</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.598.790.058)	(2.598.790.058)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>300.291.458.664</u></b>	<b><u>267.359.357.119</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nguyên vật liệu	5.129.398.123	3.862.064.484
Hàng hóa	1.788.883.895	1.438.695.785
Công cụ, dụng cụ	737.661.992	885.493.803
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	527.894.217	555.439.611
Thành phẩm	23.129.323	35.339.417
Hàng gửi đi bán	-	7.113.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.206.967.550</u></b>	<b><u>6.784.147.053</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.756.730.375</b>	<b>1.709.711.059</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	834.894.664	971.514.710
Chi phí sửa chữa	627.350.417	161.318.519
Chi phí bảo hiểm	526.366.692	246.858.016
Chi phí thuê đất	422.962.902	13.158.068
Khác	345.155.700	316.861.746
<b>Dài hạn</b>	<b>24.384.289.666</b>	<b>30.016.086.018</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.944.381.201	9.342.486.743
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận	5.527.490.263	6.317.131.735
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	5.000.000.000	8.000.000.000
Chi phí quyền sử dụng đất	3.491.123.569	3.596.024.228
Chi phí sửa chữa	2.832.256.898	2.603.655.513
Khác	1.589.037.735	156.787.799
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.141.020.041</b>	<b>31.725.797.077</b>

(\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-HĐ ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	924.163.992.796	137.284.675.198	55.165.335.810	6.554.504.203	18.774.648.119	1.141.943.156.126
Mua trong kỳ	1.731.473.401	1.313.840.986	-	-	-	3.045.314.387
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.047.044.815	-	-	-	-	2.047.044.815
Thanh lý	-	(1.463.529.975)	(7.565.802.488)	-	-	(9.029.332.463)
Xóa sổ	-	(197.297.318)	-	-	-	(197.297.318)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	927.942.511.012	136.937.698.891	47.599.533.322	6.554.504.203	18.774.648.119	1.137.808.885.547
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	25.554.241.406	48.728.633.895	4.476.427.792	2.362.155.261	9.692.007.458	90.813.465.812
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	290.013.648.071	96.296.285.507	28.688.074.506	5.158.516.097	13.062.156.746	433.238.680.927
Khấu hao trong kỳ	10.515.338.357	2.586.053.404	2.105.575.536	193.824.991	1.415.368.902	16.816.161.190
Thanh lý	-	(864.280.783)	(3.847.278.072)	-	-	(4.711.558.855)
Xóa sổ	-	(118.224.636)	-	-	-	(118.224.636)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	300.528.986.428	97.899.833.492	26.946.371.970	5.352.341.088	14.497.525.648	445.225.058.626
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	634.150.344.725	40.988.389.691	26.477.261.304	1.395.988.106	5.692.491.373	708.704.475.199
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	627.413.524.584	39.037.855.399	20.653.161.352	1.202.163.115	4.277.122.471	692.583.826.921
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)	396.996.536.406	46.714.013.879	13.163.826.450	-	-	456.874.376.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>VND</i>
	<i>Phương tiện vận tải</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>4.895.000.000</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	978.999.984
Khấu hao trong kỳ	<u>244.749.996</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>1.223.749.980</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>3.916.000.016</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>3.671.250.020</u>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	230.873.425.062	5.314.662.742	778.308.995	236.966.396.799
Mua trong kỳ	-	190.000.000	-	190.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	230.873.425.062	5.504.662.742	778.308.995	237.156.396.799
<b>Trong đó:</b>				
Đã hao mòn hết	1.098.000.000	1.344.257.000	-	2.442.257.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	29.236.325.032	2.613.581.651	412.038.117	32.261.944.800
Hao mòn trong kỳ	2.875.738.019	147.796.764	20.177.380	3.043.712.163
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	32.112.063.051	2.761.378.415	432.215.497	35.305.656.963
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	201.637.100.030	2.701.081.091	366.270.878	204.704.451.999
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	198.761.362.011	2.743.284.327	346.093.498	201.850.739.836
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)	55.509.592.864	17.564.516	-	55.527.157.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 6.842.269.159 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 7.721.013.148 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dự án Khu du lịch Dốc Lết	213.886.341.931	203.940.872.687
Dự án sáp nhập Khu du lịch Thung lũng tình yêu – Đồi Mộng Mơ – Đồi Thống Nhất	182.580.940.676	38.762.001.428
Dự án Resort TTC Kê Gà	35.216.455.592	35.105.722.259
Dự án Công viên Giải trí Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Khác	11.387.071.325	11.442.004.672
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>444.541.757.360</u></b>	<b><u>290.721.548.882</u></b>

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 17.1)	230.036.786.928	258.290.705.574
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17.2)	169.756.137.702	133.093.661.852
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>399.792.924.630</u></b>	<b><u>391.384.367.426</u></b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(8.708.014.629)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>391.084.910.001</u></b>	<b><u>391.384.367.426</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**17.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận ("Năng Lượng Sạch")	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	108.638.841.368	44,43	108.723.793.405	44,43
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam ("Thành Thành Nam")	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	75.589.999.721	42,17	71.770.625.980	42,17
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Bến Tre")	Đang hoạt động	Nhà hàng	20.767.412.541	20,75	20.495.287.103	20,75
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Vinagolf Angkor")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.969.561.777	49,00	15.009.251.533	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ("Đồng Thuận")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	5.769.065.305	20,06	6.822.799.203	20,06
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng ("Lâm Công Nghiệp")	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	5.301.906.216	32,14	5.016.947.142	32,14
Công ty Cổ phần du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình") (Thuyết minh số 4)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	-	-	30.452.001.208	22,38
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>230.036.786.928</b>		<b>258.290.705.574</b>	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

	Vinagolf Angkor	Bến Tre	Đông Thuận	Lâm Công Nghiệp	Thanh Bình	Năng Lượng Sạch	Thành Thành Nam	Tổng cộng
<b>Giá gốc đầu tư:</b>								VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	24.772.623.055	22.270.650.530	9.852.071.559	5.016.947.142	29.350.817.292	110.998.205.000	70.661.300.000	272.922.614.578
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(29.350.817.292)	-	-	(29.350.817.292)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	24.772.623.055	22.270.650.530	9.852.071.559	5.016.947.142	-	110.998.205.000	70.661.300.000	243.571.797.286
<b>Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(9.763.371.522)	(1.775.363.427)	(3.029.272.356)	-	1.101.183.916	(2.274.411.595)	1.109.325.980	(14.631.909.004)
Phần lãi (lỗ) từ công ty liên kết trong kỳ	(1.039.689.756)	272.125.438	(1.053.733.898)	284.959.074	(165.043.668)	(84.952.037)	3.819.373.741	2.033.038.894
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(936.140.248)	-	-	(936.140.248)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(10.803.061.278)	(1.503.237.989)	(4.083.006.254)	284.959.074	-	(2.359.363.632)	4.928.699.721	(13.535.010.358)
<b>Giá trị còn lại</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	15.009.251.533	20.495.287.103	6.822.799.203	5.016.947.142	30.452.001.208	108.723.793.405	71.770.625.980	258.290.705.574
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	13.969.561.777	20.767.412.541	5.769.065.305	5.301.906.216	-	108.638.841.368	75.589.999.721	230.036.786.928

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng	% sở hữu
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ ăn uống	66.000.000.000	-	2,20	66.000.000.000	-	2,20
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Sơn Nhất (*)	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	62.620.000.000	-	9,92	62.620.000.000	-	9,92
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (*)	Đang hoạt động	Năng lượng	35.456.180.850	(8.708.014.629)	5,70	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ du lịch	4.351.851.852	-	4,45	4.351.851.852	-	4,45
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ du lịch	1.206.295.000	-	1,17	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ (*)	Đang hoạt động	Kinh doanh đồ uống	121.810.000	-	-	121.810.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>169.756.137.702</b>	<b>(8.708.014.629)</b>		<b>133.093.661.852</b>		

(\*) Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

VND

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2022 18.998.310.977

**Giá trị phân bổ lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 6.290.031.173

Phân bổ trong kỳ 976.039.911

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 7.266.071.084

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 12.708.279.804

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 11.732.239.893

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Các bên khác	82.726.489.300	24.161.331.469
Bà Phạm Trần Hạnh Phương	50.463.000.000	-
Khác	32.263.489.300	24.161.331.469
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	<u>12.546.153.424</u>	<u>9.764.517.836</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>95.272.642.724</u></b>	<b><u>33.925.849.305</u></b>

**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>41.815.658.583</b>	<b>23.309.692.007</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	25.072.463.072	11.271.282.552
Các bên khác	16.743.195.511	12.038.409.455
Bà Huỳnh Thị Loan	5.429.710.000	5.543.620.000
Khác	11.313.485.511	6.494.789.455
<b>Dài hạn</b>	-	<b>12.373.000.000</b>
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	12.373.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.815.658.583</u></b>	<b><u>35.682.692.007</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.065.959.236	4.139.980.274	(1.204.903.911)	4.001.035.599
Thuế giá trị gia tăng	9.549.131.085	23.277.831.915	(26.185.410.040)	6.641.552.960
Thuế thu nhập cá nhân	376.026.784	2.450.137.763	(1.587.548.052)	1.238.616.495
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.389.628	53.726.552	(31.542.952)	27.573.228
Thuế tài nguyên	1.198.078	8.041.200	(7.726.800)	1.512.478
Thuế nhà đất	14.922.766.395	5.224.663.374	(16.045.857.338)	4.101.572.431
Thuế khác	119.684.596	294.783.988	(365.458.506)	49.010.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.040.155.802</b>	<b>35.449.165.066</b>	<b>(45.428.447.599)</b>	<b>16.060.873.269</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	6.752.112.290	11.686.645.482	(12.504.593.482)	5.934.164.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.794.827	100.040	(13.248.490)	6.646.377
Thuế tài nguyên	55.928.550	4.500.000	(55.928.550)	4.500.000
Thuế thu nhập cá nhân	74.335.411	8.709.867	(46.641.051)	36.404.227
Thuế khác	-	55.928.550	(5.018.000)	50.910.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.902.171.078</b>	<b>11.755.883.939</b>	<b>(12.625.429.573)</b>	<b>6.032.625.444</b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Trích trước chi phí công trình	9.282.737.312	9.282.737.312
Lương tháng 13 và thưởng	5.342.589.609	4.136.151.779
Chi phí thuế	4.926.715.800	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	3.922.681.822	439.309.536
Phí tư vấn thanh lý các khoản đầu tư	2.940.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.419.581.196	6.330.911.830
Khác	4.322.401.294	501.911.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.156.707.033</b>	<b>20.691.021.736</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>76.259.623.218</b>	<b>33.824.705.553</b>
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	36.770.000.000	-
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	14.194.264.543	8.702.256.549
Nhận ký quỹ	7.179.244.590	7.479.244.590
Chi phí lãi vay	5.519.485.477	11.905.579.385
Khác	12.596.628.608	5.737.625.029
<b>Dài hạn</b>	<b>3.677.300.000</b>	<b>2.779.200.000</b>
Nhận ký quỹ	3.677.300.000	2.779.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.936.923.218</b>	<b>36.603.905.553</b>

(\*) Đây là chi phí hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 01/2022/HDHTKD/TTCHUE-DAITIN ký với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín ngày 20 tháng 6 năm 2022 để cùng sửa chữa Khách sạn Hoàng Cung tại Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>433.821.031.159</b>	<b>254.031.530.324</b>	<b>(374.826.110.616)</b>	<b>38.146.564.833</b>	<b>351.173.015.700</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	236.896.092.768	197.231.530.324	(205.550.739.566)	-	228.576.883.526
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	58.100.000.000	46.800.000.000	(71.200.000.000)	13.000.000.000	46.700.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 24.2)	22.200.000.000	10.000.000.000	-	2.100.000.000	34.300.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	114.223.509.852	-	(97.362.319.094)	21.884.524.606	38.745.715.364
(Thuyết minh số 24.3)					
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả	1.250.000.000	-	(85.000.000)	1.162.040.227	2.327.040.227
(Thuyết minh số 24.4)					
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	1.151.428.539	-	(628.051.956)	-	523.376.583
<b>Vay dài hạn</b>	<b>553.958.839.830</b>	<b>773.254.972.306</b>	<b>(241.248.134.068)</b>	<b>(38.146.564.833)</b>	<b>1.047.819.113.235</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.3)	366.237.489.277	224.004.464.827	(207.262.494.946)	(21.884.524.606)	361.094.934.552
Vay các bên khác (Thuyết minh số 24.4)	126.326.350.553	45.509.251.772	(30.588.104.875)	(3.262.040.227)	137.985.457.223
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	61.395.000.000	13.400.000.000	(3.300.000.000)	(13.000.000.000)	58.495.000.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	-	490.341.255.707	(97.534.247)	-	490.243.721.460
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>987.779.870.989</b>	<b>1.027.286.502.630</b>	<b>(616.074.244.684)</b>	<b>-</b>	<b>1.398.992.128.935</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	66.480.337.815	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2022 đến 1 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,5	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); 3.000.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 2	7.940.223.279	Từ ngày 11 tháng 8 năm 2022 đến 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,0 – 8,0	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC")
Khoản vay 3	5.030.319.856	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2022 đến 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,0 – 8,0	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	39.682.620.964	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	6,2	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai Thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh
Khoản vay 2	30.681.160.264	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2022 đến 29 tháng 8 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	6,0	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ("TTC LD")





## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình</b>					
Khoản vay 1	26.410.509.465	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2022 đến 4 tháng 8 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	8,4	7.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do TTCI phát hành thuộc sở hữu của ông Đặng Văn Thành
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận</b>					
Khoản vay 1	22.151.711.883	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2022 đến 30 tháng 11 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,8	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định</b>					
Khoản vay 1	30.000.000.000	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 đến 14 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	6,7	2.700.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của TTCI; phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty, DL TTC và Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>228.576.883.526</b>				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.2 Vay ngắn hạn từ các bên khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín</b>					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tin chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tin chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tin chấp
<b>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Định</b>					
Khoản vay 1	10.000.000.000	Ngày 22 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	10,6	Tin chấp
<b>Nhân viên công ty</b>					
Khoản vay 1	2.100.000.000	Ngày 13 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	10,75	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.300.000.000</b>				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	118.884.461.965	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2022 đến 26 tháng 7 năm 2030	Thực hiện dự án gọi vốn 250K, mua khách sạn Hội An, hoàn vốn xây dựng cơ bản Khách sạn Ngọc Lan, đầu tư Khu du lịch Thung Lũng Tinh Yếu	8,1 – 10,5	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của TTC LD
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận</b>					
Khoản vay 1	31.949.000.000	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2022 đến 31 tháng 12 năm 2025	Tài trợ Dự án TTC Palace Bình Thuận	9,3	Quyền sở hữu công trình trên đất và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của DL TTC
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình</b>					
Khoản vay 1	112.000.000.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2022 đến 27 tháng 6 năm 2032	Mua tài sản	10,6	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận và tài khoản tiền gửi thuộc sở hữu của TTC LD
Khoản vay 2	35.128.750.398	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2022 đến 25 tháng 1 năm 2029	Sửa chữa và duy trì Thung lũng Tinh Yếu, Đồi Mộng Mơ	10,4 – 10,6	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	19.100.061.416	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến 29 tháng 10 năm 2025	Sửa chữa khách sạn Càn Thơ, nhà hàng nướng	9,1 – 10,7	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 2	5.774.336.135	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Sửa chữa khách sạn Càn Thơ, nhà hàng nướng	9,1 – 10,7	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 3	76.700.000.000	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2023 đến 6 tháng 5 năm 2034	Tài trợ dự án Dốc Lét	10,1	Dự án Dốc Lét – Giai đoạn 1
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	131.840.002	Ngày 28 tháng 6 năm 2023	Mua tài sản	9,9	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình</b>					
Khoản vay 1	114.800.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	Mua tài sản	8,0	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	57.400.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	Mua tài sản	8,0	Phương tiện vận tải
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>399.840.649.916</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	38.745.715.364				
Vay dài hạn	361.094.934.552				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.4 Vay dài hạn các bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Bà Tạ Thị Phương Trang</b>					
Khoản vay 1	44.000.000.000	Ngày 3 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	9,0	Tin chấp
<b>Nhân viên công ty</b>					
Khoản vay 1	47.373.794.716	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	10,75	Tin chấp
Khoản vay 2	38.469.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2023 đến 11 tháng 11 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	10,75	Tin chấp
Khoản vay 3	10.469.702.734	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2023 đến 30 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	10,8	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>140.312.497.450</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	2.327.040.227				
Vay dài hạn	137.985.457.223				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.5 Phát hành trái phiếu

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Thời hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND				
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam</b>					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	36 tháng	Trả nợ vay, cấp khoản vay cho	9,5	Bất động sản và động sản, quyền tài sản của Công ty, DL TTC, Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre, phần vốn góp tại DL TTC, Quyền tài sản Thung lũng tình yêu
Chi phí phát hành	(14.125.000.000)	36 tháng	công ty con, công ty liên kết		
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	<u>4.368.721.460</u>	36 tháng			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>490.243.721.460</u></b>				
Trong đó:					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-				
Trái phiếu dài hạn	490.243.721.460				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quy đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021								VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	972.766.080.000	106.459.866.414	27.567.770.000	48.820.178	6.749.515.451	2.807.090.284	1.367.003.263	1.117.766.145.590
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	476.999.580	-	476.999.580
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(9.000.000.000)	-	-	-	-	(9.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đổi	-	-	-	(27.683.420)	-	-	-	(27.683.420)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	21.136.758	6.749.515.451	3.284.089.864	1.367.003.263	1.109.215.461.750

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022								VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	(33.948.238)	6.749.515.451	4.712.651.421	1.367.003.263	1.110.588.938.311
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.129.094.032	-	1.129.094.032
Chênh lệch tỷ giá hối đổi	-	-	-	69.227.714	-	-	-	69.227.714
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	35.279.476	6.749.515.451	5.841.745.453	1.367.003.263	1.111.787.260.057



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**25.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Vào ngày 1 tháng 1	972.766.080.000	926.666.080.000
Tăng trong kỳ	-	46.100.000.000
Vào ngày 30 tháng 6	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>
<b>Cổ tức đã trả</b>	-	<b>910.000</b>

**25.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>97.276.608</u>	<u>97.276.608</u>
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>97.276.608</u>	<u>97.276.608</u>

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**25.4 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	1.129.094.032	476.999.580
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	1.129.094.032	476.999.580
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>97.276.608</u>	<u>97.276.608</u>
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b><u>12</u></b>	<b><u>5</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**25.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Vào ngày 1 tháng 1	1.760.166.609	31.985.117.043
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.021.765.948	(65.637.741)
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con	-	(31.749.777.619)
Vào ngày 30 tháng 6	<u>2.781.932.557</u>	<u>169.701.683</u>

**26. DOANH THU**

**26.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	237.961.794.991	113.657.031.374
Doanh thu thuần về bán hàng	7.112.868.543	10.505.677.460
Doanh thu thuần về cho thuê hoạt động	81.818.180	7.486.579.692
Doanh thu khác	3.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>248.156.481.714</u></b>	<b><u>131.649.288.526</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần đối với các bên khác</i>	<i>232.787.241.448</i>	<i>126.507.181.577</i>
<i>Doanh thu thuần đối với các bên liên quan</i>	<i>15.369.240.266</i>	<i>5.142.106.949</i>

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư (Thuyết minh số 4)	44.356.337.460	83.886.958.962
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.426.072.805	5.545.834.407
Cổ tức được chia	-	126.677.100
Khác	333.738	4.241.601
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.782.744.003</u></b>	<b><u>89.563.712.070</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	160.732.142.365	120.067.842.534
Giá vốn hàng bán	8.207.510.518	8.225.772.938
Giá vốn cho thuê hoạt động	-	1.192.673.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>168.939.652.883</u></b>	<b><u>129.486.289.353</u></b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	55.579.904.336	31.144.014.969
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	8.708.014.629	-
Lãi trái phiếu	4.466.255.707	-
Phí tư vấn thanh lý các khoản đầu tư	2.940.000.000	5.897.500.000
Chi phí khác	50.148.659	165.739
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>71.744.323.331</u></b>	<b><u>37.041.680.708</u></b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>13.953.548.597</b>	<b>8.971.763.569</b>
Chi phí nhân viên	7.087.278.886	5.239.955.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.238.129.354	2.633.188.064
Chi phí khấu hao và hao mòn	45.977.318	43.748.184
Chi phí khác	3.582.163.039	1.054.872.033
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>42.385.792.030</b>	<b>38.939.564.949</b>
Chi phí nhân viên	26.124.096.409	24.119.419.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.535.090.510	3.672.873.116
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	2.937.308.674	3.561.774.878
Chi phí khác	5.789.296.437	7.585.497.718
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.339.340.627</u></b>	<b><u>47.911.328.518</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>245.355.777</b>	<b>426.018.273</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	15.501.772
Khác	245.355.777	410.516.501
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.472.464.670</b>	<b>1.188.095.608</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.715.773.608	-
Các khoản phạt	687.899.495	427.142.612
Khác	68.791.567	760.952.996
<b>LỖ KHÁC</b>	<b><u>(2.227.108.893)</u></b>	<b><u>(762.077.335)</u></b>

**31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí nhân viên	72.877.825.869	64.637.219.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.464.466.624	42.674.367.771
Chi phí nguyên vật liệu	40.947.491.670	24.661.508.944
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 12, 13, 14 và 18)	21.080.663.260	23.105.971.207
Giá vốn hàng bán	4.162.246.273	3.738.269.762
Chi phí khác	15.746.299.814	18.580.280.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>225.278.993.510</u></b>	<b><u>177.397.617.871</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ một chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty TNHH TTC Tourist – TTC Resort Premium – Dốc Lết ("CN Dốc Lết") áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và với mức thuế suất thông thường theo quy định hiện hành cho những năm tiếp theo. CN Dốc Lết được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi CN Dốc Lết có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 32.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.125.685.118	3.927.609.622
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	21.221.282 (575.927.503)	(624.428.066) 157.729.165
(Thu nhập) chi phí TNDN hoãn lại		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.570.978.897</u></b>	<b><u>3.460.910.721</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>5.721.838.877</u></b>	<b><u>3.872.272.560</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	1.582.028.441	988.066.500
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	4.472.585.653	2.828.115.007
Cổ tức được chia	-	(25.335.420)
Phần (lãi) lỗ từ công ty liên kết	(406.607.779)	223.714.372
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	1.949.540.877	204.156.052
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	213.138.221	759.803.904
Lỗ năm trước chuyển sang	(5.687.145.685)	(659.119.835)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) các năm trước	22.112.661	(624.428.067)
Khác	1.425.326.508	(234.061.792)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.570.978.897</u></b>	<b><u>3.460.910.721</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**32.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
				VND
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	2.205.914.725	2.205.914.725	-	-
Khác	166.407.490	(236.935.293)	403.342.783	(10.313.885)
	<b>2.372.322.215</b>	<b>1.968.979.432</b>	<b>403.342.783</b>	<b>(10.313.885)</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh	25.997.911.658	26.170.496.378	(172.584.720)	(172.584.720)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	4.993.230.410	4.993.230.410	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	320.000.000
Khác	(1.676.459.366)	(1.676.459.366)	-	-
	<b>29.314.682.702</b>	<b>29.487.267.422</b>	<b>(172.584.720)</b>	<b>147.415.280</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>	<b>(26.942.360.487)</b>	<b>(27.518.287.990)</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>575.927.503</b>	<b>(157.729.165)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.4 Lỗi chuyển sang các năm sau**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 22.779.875.165 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 31.663.246.236 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Không được chuyển lỗ	VND	
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	
2014	2019	21.265.855.397	-	(21.265.855.397)	-	-
2015	2020	18.602.406.658	(5.986.847.598)	(12.615.559.060)	-	-
2016	2021	15.924.347.506	(1.020.579.418)	(14.903.768.088)	-	-
2017	2022	18.064.543.734	(18.064.543.734)	-	-	-
2018	2023	27.115.518.336	(21.339.401.785)	-	5.776.116.551	-
2019	2024	25.579.862.275	(14.316.299.403)	-	11.263.562.872	-
2020	2025	2.510.994.187	-	-	2.510.994.187	-
2021	2026	14.405.868.564	(12.242.358.114)	-	2.163.510.450	-
2022	2027	1.065.691.105	-	-	1.065.691.105	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>144.535.087.762</b>	<b>(72.970.030.052)</b>	<b>(48.785.182.545)</b>		<b>22.779.875.165</b>

Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗi chuyển sang các năm sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

#### *Bên liên quan*

Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor  
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận  
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre  
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình

Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng  
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam  
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận  
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa  
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín  
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú

Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công  
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo  
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc  
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn

#### *Mối quan hệ*

Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

Công ty liên kết đến ngày  
30 tháng 6 năm 2022

Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

Công ty trong cùng Tập đoàn  
Công ty trong cùng Tập đoàn  
Công ty trong cùng Tập đoàn  
Công ty trong cùng Tập đoàn

Cổ đông lớn  
Công ty trong cùng Tập đoàn  
Công ty trong cùng Tập đoàn  
Bên liên quan



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chuyển nhượng cổ phần	-	117.950.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Dịch vụ bán vé máy bay Dịch vụ khác Dịch vụ lưu trú Cho vay Lãi cho vay Bán hàng hóa Mua dịch vụ	3.383.690.428 97.879.320 79.105.015 53.194.585 - - - -	1.843.636 - - 603.637 98.000.000.000 1.740.987.668 78.504.546 1.980.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Dịch vụ lưu trú Lãi cho vay Doanh thu từ BCC Bán hàng hóa Doanh thu cung cấp dịch vụ Dịch vụ khác Phí khác Dịch vụ mua ngoài Mua dịch vụ Chi phí môi giới bán cổ phiếu Cho vay	6.285.388.428 4.450.720.162 2.158.781.151 1.910.278.797 17.539.143 11.766.001 4.535.963 757.068 - - -	32.424.243 1.976.489.206 286.799.887 1.485.956.878 710.909 31.362.121 - - 3.045.283.500 822.500.000 800.000.000

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay Bán hàng hóa Lãi cho vay Dịch vụ khác Doanh thu cung cấp dịch vụ Dịch vụ lưu trú Chi phí môi giới bán cổ phiếu Mua dịch vụ	3.082.438.553 2.879.542.406 853.297.808 35.083.334 26.528.362 7.000.006 -	492.008.218 2.229.351.650 44.630.138 40.172.404 8.538.960 -
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ tư vấn Chi phí môi giới bán cổ phiếu Lãi cho vay Dịch vụ khác Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ Chi phí lãi vay Dịch vụ lưu trú	1.000.000.000 400.000.000 456.677.260 82.929.788 14.018.519 6.908.892 -	- - 674.807.672 58.946.392 1.140.522.758 15.884.847 798.479.453 41.275.758
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ Dịch vụ lưu trú Dịch vụ khác Phí khác Bán hàng hóa Phí lưu trú	2.082.465.754 1.239.808.221 254.005.584 57.185.807 52.538.755 25.289.844 20.400.004 2.860.137 1.058.201	- - 159.497.466 54.400.002 4.216.798 125.368 218.161.816 - -

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trong yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
				VND
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa Lãi vay	- -	151.030.224 48.101.370
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Dịch vụ lưu trú Bán hàng hóa Dịch vụ khác Mua hàng hóa	363.772.339 42.241.988 3.115.380 2.380.445 2.379.000	133.150.038 70.551.309 - 189.557.047 -
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Phí khác Cung cấp dịch vụ Dịch vụ lưu trú	1.643.558.880 196.358.546 59.662.195 529.101	- - - -
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho vay Dịch vụ tư vấn Phí lưu trú Bán hàng hóa Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ Phí khác	2.413.904.112 2.000.000.000 1.773.728.848 732.503.033 162.550.088 97.747.481 25.854.253	- - - - - - -
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Cho vay Dịch vụ khác Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	1.187.628.766 20.620.500 8.010.285 359.787	- - - -

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.401.806.597	716.265.988	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	886.290.858	415.782.700	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	344.679.328	395.925.528	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	221.818.200	262.411.628	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	198.517.840	152.659.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cung cấp dịch vụ	101.981.600	4.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagorft Angkor	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	101.130.000	101.130.000	
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	42.741.757	109.887.000	
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.810.000	-	
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	127.629.593	
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	8.187.484	
			<b>3.303.776.180</b>	<b>2.293.878.921</b>	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
VND				
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	23.200.000.000	23.200.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	15.547.181.763	205.576.897
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	-	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	325.779.000	325.779.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Mua dịch vụ	-	24.207.056
			<b>39.072.960.763</b>	<b>28.855.562.953</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	37.820.000.000	38.770.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cho vay	24.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	6.700.000.000	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cho vay	900.000.000	-
			<b>70.120.000.000</b>	<b>48.370.000.000</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	42.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cho vay	9.900.000.000	11.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Công đồng lớn	Cho vay	-	26.800.000.000
			<b>51.900.000.000</b>	<b>38.450.000.000</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Lãi cho vay Chi hộ	6.891.927.183 3.850.712.776	4.459.398.801 3.504.392.900
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thu nhập từ HTKD Lãi cho vay	3.785.216.123 7.110.994.072	2.050.904.093 824.163.400 872.368.263
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Chi hộ Lãi cho vay	3.445.678.022 214.763.288	122.236.856 218.123.562
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chi hộ Lãi cho vay	278.007.909	- 128.003.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Lãi cho vay	1.812.172.017	1.583.068.496
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	13.501.370
			<b>29.389.471.390</b>	<b>13.776.161.141</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	3.023.911.343	2.423.264.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	2.543.325.854	3.937.800.954	
Công ty Cổ phần Thành Thành Công	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.902.940.916	789.162.986	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Mua dịch vụ	1.842.179.700	2.287.889.475	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Mua dịch vụ	1.822.426.539	309.864.047	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	1.411.369.072	15.200.000	
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	1.336.364	
			<b>12.546.153.424</b>	<b>9.764.517.836</b>	
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	13.718.272.250	27.529.243	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cung cấp dịch vụ	10.675.955.740	10.586.082.227	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	674.399.082	653.877.082	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.794.000	3.794.000	
Công ty Cổ phần Thành Thành Công	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	42.000	-	
			<b>25.072.463.072</b>	<b>11.271.282.552</b>	
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	12.373.000.000	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Lãi vay	3.783.835.618	1.701.369.864
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Lãi vay Thu hộ	3.523.849.324 232.286.000	1.109.945.212 167.480.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi vay Thu hộ	2.172.786.303 278.095.615	1.537.881.099 -
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Lãi vay	1.632.513.697	855.486.300
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay Thu hộ	236.243.835 1.553.425	320.128.765 -
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu hộ	70.665.000	28.405.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi chậm nộp	2.262.435.726	2.981.560.309
			<b>14.194.264.543</b>	<b>8.702.256.549</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Vay	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Vay	12.000.000.000	46.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	11.700.000.000	12.100.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Vay	10.000.000.000	-
			<b>46.700.000.000</b>	<b>58.100.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Vay	45.750.000.000	48.650.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết	Vay	12.745.000.000	12.745.000.000
			<b>58.495.000.000</b>	<b>61.395.000.000</b>



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

#### Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 (Tổng Giám đốc đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)	884.900.000	386.276.801	
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc từ ngày 6 tháng 2 năm 2022	685.378.000	-	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022 (Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022)	96.000.000	83.200.000	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT từ ngày 27 tháng 4 năm 2021	96.000.000	32.000.000	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022	96.000.000	83.200.000	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên HĐQT	64.000.000	83.200.000	
Bà Nguyễn Thủy Vân	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022	32.000.000	-	
Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	450.500.000	
Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	248.906.966	
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 27 tháng 7 năm 2021	-	384.325.011	
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	51.200.000	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	51.200.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.954.278.000</b>	<b>1.854.008.778</b>	

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dưới 1 năm	19.015.896.850	16.665.642.726
Từ 1 – 5 năm	67.937.101.825	62.915.116.358
Trên 5 năm	<u>488.845.209.847</u>	<u>496.779.300.192</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>575.798.208.522</u></b>	<b><u>576.360.059.276</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dưới 1 năm	-	264.000.000
Từ 1 – 5 năm	-	1.271.820.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b><u>1.535.820.000</u></b>

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản cam kết 386.227.313.690 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 396.253.482.656 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

***Cam kết góp vốn***

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền 103.019.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con.

**35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngoại tệ các loại USD	27.887,37	33.816,91

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty



Nguyễn Thị Hồng Liên  
Người lập



Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Đặng Đình Việt  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

